

VỀ PHONG CÁCH BÌNH THƠ CỦA CHÂU THẠCH

*

Khi tìm tài liệu đọc để viết bài CHỮ TÔI, CHỮ TA VÀ CÁI TÂM LÀNH, tôi chợt có ý định thử tìm hiểu về phong cách bình thơ của nhà phê bình văn học Châu Thạch nên cần mẫn ngồi đọc 130 bài bình thơ của ông. Đọc xong, tôi phấn chấn, nảy thêm ý định “tận dụng sự đọc 130 bài bình thơ” để viết một bài làm “kỷ niệm”... Tôi điện gặp nhà phê bình Châu Thạch, nói ý định của mình, ông cười sáng khoái: - “Vâng! Đặng Xuân Xuyên cứ viết theo đúng như những gì Đặng Xuân Xuyên cảm nhận về Châu Thạch, như thế mới quý. Cám ơn Đặng Xuân Xuyên trước nhé.”.

Tôi liền cặm cụi ghi lại những cảm nhận của mình về phong cách bình thơ của ông. Vì đây là bài cảm nhận của một đọc giả về một tác giả nên cấu trúc bài viết và những dẫn giải đưa ra sẽ không mang tính nghiên cứu khoa học, chỉ nhằm đáp ứng tiêu chí của bài: LAN MAN VỀ PHONG CÁCH BÌNH THƠ CỦA CHÂU THẠCH. Vì thế, bài viết sẽ có những hạn chế, những thiếu sót khiến bạn đọc không được vừa ý.

&.1

Đọc những bài bình thơ của tác giả Châu Thạch, tôi hay gặp (nhiều) cách ông giả định khi bình thơ, tôi tạm gọi đó là phương pháp giả định để liên tưởng và giả định để gợi mở trong cảm thụ thơ văn. Có thể nói, đấy chính là phong cách đặc trưng, là cách nổi trội trong phong cách bình thơ của tác giả Châu Thạch. (Đây chỉ là quan điểm cá nhân của tôi khi đọc Châu Thạch bình thơ, không là bài phê bình của người viết phê bình, vì thế “thuật ngữ” giả định để liên tưởng, giả định để gợi mở và một số “thuật ngữ” khác sẽ dùng trong bài viết nếu chưa sát nghĩa hoặc không đúng, mong quý vị thể tất.)

Chẳng hạn, khi bình bài thơ **Bén My Lãng** của Yến Lan, ông đã dùng phương pháp giả định để liên tưởng khi tiếp cận với ý thơ (tứ thơ):

*“Ông lão vẫn say trắng, đầu gối sách,
Để thuyền hồn bơi khỏi bến My Lãng,
Tiếng gọi đò, gọi đò như oán trách,
Gọi đò thôi run rẩy cả ngành trăng.*

Khổ thơ này cho ta liên nghĩ đến điều gì? Liên nghĩ đến vận mệnh. Vận mệnh của một cuộc gặp, vận mệnh của một đời người, vận mệnh của quốc gia không tùy thuộc vào ta, có khi tùy thuộc vào phút giây nào đó. Bài thơ không cho ta biết hai người có liên quan nhau không nhưng bài thơ cũng cho ta đoán định đây là hai con người nghĩa khí. Một người có học, canh cánh bên lòng nỗi u uẩn. Một người đang mang trọng trách trong mình. Nếu họ gặp nhau và đưa nhau qua đò biết đâu sẽ làm việc lớn, và chuyển đò kia

sẽ là chuyến đò định mệnh. Vì họ không gặp nhau, vì định mệnh không cho họ hội ngộ nên ông lái đò phải:

Bến My Lăng còn lạnh, bến My Lăng
Ông lái buồn đợi khách suốt bao trăng.

Như vậy, người khách kia đi đâu không biết nhưng ông lái đò đã phí cả thời gian, phí đi kinh sử, mất đi chí lớn, u uất nép mình chèo đò bao năm trên bến My Lăng để đợi một người khách sang sông, người khách sẽ làm cuộc đời ông thay đổi. Đó là nhân vật nào ta đâu biết. Một tri kỷ? một đồng chí? Một lãnh tụ chăng? chứ dứt khoát không phải chỉ là một chàng kỵ mã bình thường.”

Đúng ý hay sai ý của tác giả thơ chưa biết nhưng trong trường hợp này, thì phương pháp giả định để cảm nhận **Bến My Lăng** theo cách của tác giả Châu Thạch là cách tiếp cận hợp lý.

Hay như khi bình **Một Buổi Trưa** của Bùi Giáng, mà theo Châu Thạch, thì đó là một bài thơ hay nhưng rất bí hiểm, khó lý giải trong số “những bài thơ tình táo của Bùi Giáng”. Và để bình bài thơ này, tác giả Châu Thạch đã vận dụng phương pháp giả định để liên tưởng, giả định để gợi mở, để “cảm” **Một Buổi Trưa**.

Xin mời cùng đọc trích dẫn:

“Em có định sẽ cùng ai kể lễ
Một nỗi đời hư huyền giữa chiêm bao
Vùng hiu hắt nguyệt hờn mây nhỏ lệ
Một mùi hương nồng tụ ở nơi nào

“Em có định sẽ cùng ai kể lễ” là một câu nghi vấn mà không có dấu hỏi, nó có công dụng cho ta biết tác giả không trực tiếp hỏi em mà tự nhủ trong lòng mình. Câu thơ này cũng cho ta một phỏng đoán có thể em đang ở đó và cũng có thể em không có đó, nghĩa là tác giả đang một mình giữa bao la suy nghĩ về em. “Em” trong ba câu thơ còn lại như là một bóng ma. Bóng ma có một cuộc đời “hư huyền giữa chiêm bao”, sống ở một vùng “hiu hắt nguyệt hờn mây nhỏ lệ” mà nơi đó là một nơi có thể hiểu là nơi vô định vì nó có “một mùi hương nồng tụ” mà tác giả không biết “ở nơi nào”.

Vế thơ này cho ta cảm giác gì? Cảm giác một bóng người lảng đãng trong một khung trời âm đạm. Và cho ta một cảm nhận gì? Cảm nhận đây là linh hồn của tác giả. “Em” ở đây không ai khác là tâm thần của người nằm mộng. Cái tâm thần đó đã trải qua bao hệ lụy của cuộc đời, nay nó bước ra từ tâm tác giả và hóa hình vào trong cơn mơ ấy. Cái tâm thần đó u ám trong lòng tác giả, nay nhân dịp thể xác êm ái trong giấc trưa, nó hiển hiện trong cơn mơ làm nên một bóng dáng của bao điều hệ lụy.”

Cũng dùng phương pháp giả định để cảm thụ, Châu Thạch đã thả nguồn cảm hứng của ông lạc trôi theo cánh “**Chuồn Chuồn bay...**”, phiêu cùng thơ Trần Mai Ngân đến với cõi mộng:

“Chuồn chuồn mà bay được đến cổng trời là chuyện không thể vì thân nó quá nhỏ, cánh nó quá mỏng. Vậy chỉ có con chuồn chuồn hóa thân vào linh hồn tác giả thì mới đến được cổng trời trong mơ ước. Con chuồn chuồn bây giờ trở nên vô hình vì nó nằm trong ảo tưởng. Đây thật sự là một giấc

mơ với muôn vàn khắc khoai. Đây thật sự là tấm lòng ăn năn của người trong cuộc, ăn năn vì số phận ly tan, duyên trời chia cách chớ không phải ăn năn vì phụ bạc tình nhau. Bởi vì con chuồn chuồn đã yêu sâu đậm và thủy chung đến suốt một đời: “Ví dầu...dầu mộng không thành/ Buồn, vui vẫn đau...ngọt lành vẫn xin”. Chuồn chuồn mà bay đến cổng trời cũng có thể hiểu được là người xưa có thể đã trở thành người thiên cổ không còn ở thế gian. Câu chuyện chẳng khác chi Điệp ngày xưa đã đến cổng chùa để tạ lỗi với Lan. Điệp còn biết có Lan khi dây chuông bị cắt đứt nhưng con chuồn chuồn của Trần Mai Ngân chỉ đến cổng trời trong mơ ước mà thôi. Chính hình ảnh đó cho ta hiểu được niềm quặn thắt triền miên của người ở lại giữa cuộc đời này. Hình ảnh cánh chuồn chuồn chuồn mỏng manh mà bay đến tận cổng trời cũng cho ta thấy được tình yêu vĩ đại chất chứa trong lòng người đi tìm quá khứ. Vế thơ thứ nhất đưa con người vào mộng, vế thơ thứ hai đưa con người vào đau, một nỗi đau lớn chất nặng trên cánh con chuồn chuồn bé bỏng. Cái đẹp được pha trộn nỗi đau làm tăng thêm nỗi đau và nỗi đau làm tăng thêm cái đẹp. Người đọc thơ ở đây sẽ hưởng được thi vị trong nỗi đắng cay vì những câu thơ rất đẹp lướt qua một cuộc tình ngang trái.”.

&2

Tuy phương pháp giả định được ông vận dụng khá nhiều trong các bài bình thơ nhưng không phải phương pháp này được ông ưu tiên làm chính yếu, mà trong nhiều trường hợp, ông đã linh hoạt khi tiếp cận để tìm tòi, khám phá sự “đặc biệt”, tinh tế về cấu tứ, âm điệu, kỹ thuật... của bài thơ, lấy đó làm “nguyên liệu” cho việc “cảm” và bình thơ. Đây cũng là một điểm nhấn đáng lưu ý trong phong cách bình thơ của Châu Thạch.

Gặp được bài thơ hay, ông phấn khích, ông “sướng nâng” như bị “lên đồng”. Chẳng hạn, khi đọc **“Thềm Xưa, Em Đợi Người Về”**, trước kỹ thuật sử dụng ngôn ngữ khá “đắc địa” của Hà Nhữ Uyên, ông như chịu sự tác động của một loại chất kích thích cực mạnh, buộc ông “tự nguyện” thả hồn phiêu cùng Hà Nhữ Uyên, “tự nguyện” “lên đồng” cùng Hà Nhữ Uyên:

“Thú thật, bốn câu thơ ở vế đầu đã làm tôi sướng nâng và đọc những vế thơ kế tiếp tôi có cảm nhận mình đã thềm, đã thềm như chất kích thích đầy hương vị của “Ly phin đá nhả nha từng giọt đắng” ngấm vào trong thớ thịt:

*Em đợi người bên Thềm Xưa trầm lắng
nhặt bâng quơ hạt nắng ngủ trên bàn
ly phin đá nhả nha từng giọt đắng
nhặt hoài mong lạc mưới ngón tay đan.*

Câu thơ tôi yêu mến đầu tiên là câu “nhặt bâng quơ hạt nắng ngủ trên bàn”: Bài thơ này tác giả dùng chữ “em” nghĩa là viết thay cho một người con gái, và câu thơ này cho thấy được hết cả cái tâm hồn uỷ mị của cô em, cũng cho ta thấy hết được cái khung cảnh cô liêu nơi cô ngồi, cả sự lãng mạn trong suy tư của em. Nhặt hạt nắng là hành động của một kẻ tâm thần, nhưng tất nhiên cô gái không là kẻ bị bệnh tâm thần, vậy nhặt hạt nắng là

một cử chỉ siêu lãng mạn của con người đa cảm, một hành động vô tâm nhưng bày tỏ một tính cách rất nên thơ có trong một tâm hồn rất đẹp.

Câu thơ thứ hai tôi thích là “nhặt hoài mong lạc mười ngón tay đan”. Ở câu thơ trên ta thấy cô gái “nhặt băng quơ hạt nắng”, ở câu thơ dưới ta thấy cô gái “nhặt hoài mong”. Vậy thì trong vế thơ này sự hoài mong của cô gái được thể hiện trên hạt nắng. Cô gái nhặt hạt nắng như nhặt sự hoài mong của mình, và tất nhiên hạt nắng thì trôi tuột qua “mười ngón tay đan” nên sự hoài mong cũng trôi theo hạt nắng. Câu thơ liên kết sự mong đợi với hạt nắng ngủ trên bàn thật là lý thú. Cái vô hình trong tâm được thể hiện bằng cái hữu hình trên bàn, và cả hai được lồng trong bức tranh tĩnh vật chứa đựng sự sâu kín trong hồn hoà điệu cùng phong cảnh.”

Nhưng cũng có trường hợp ông nhấn sâu vào âm điệu của bài thơ, xoáy sâu vào cấu trúc của bài thơ để chọn cấu trúc, âm điệu của bài thơ làm “chất xúc tác” cho việc cảm thụ và bình thơ. Ví dụ như khi ông bình bài thơ “**Chấp Chới**” của Đặng Xuân Xuyên:

“Se sắt buồn
Ơi người “xe chỉ luồn kim”
Ơi người nhón nhác đi tìm
Đầu ghềnh cuối bãi
Lời xưa có còn mê mãi...”

Người “xe chỉ luồn kim” là người vợ. Câu thơ cho ta biết cô gái “lúu rúu theo chồng” đã thành người “xe chỉ luồn kim” cũng buồn “se sắt”. Còn người ở lại thì lang thang đầu ghềnh và mê mãi trong tâm đi tìm quá khứ.

Khổ thơ với những vần thơ có thể gọi là “cà giựt”, nghĩa là nó ngắt khúc từng ý thơ và tứ thơ không dính dáng gì nhau, nhưng chính cái “cà giựt” đó làm cho tiếng thơ trở nên dập dồn, kích thích người đọc, làm căng thẳng cảm xúc và trọn vẹn gói vào đó niềm đau của đôi trai gái thất tình.

Qua khổ thơ thứ ba tác giả dùng từ ngữ như những nhát búa đập liên tục vào điểm yếu của con tim, làm cho đau đớn, làm cho rỉ máu, làm cho nghẹn ngào, uất ức:

Tìm ai...
Kìa ai...
Lưng chừng câu hát
Gió gần ràn rạt
Trời mưa...
Chấp chới cánh diều.”

&.3

Một điểm nhấn nữa trong phong cách bình thơ của Châu Thạch là ông bình thơ bằng tâm thế của người cảm thụ thơ nên trước hết ông thả hồn vào bài thơ để phiêu cùng tác giả tới mọi góc ngách của bài thơ, để tìm cho được sắc thái riêng của bài thơ, để cảm thụ được hết vẻ đẹp của bài thơ và khi viết lời bình, ông cố gắng tiết chế cái tôi của người “phê bình văn học” sao cho hài hòa, hợp lý để lời bình được chân thực, khách quan.

Ví dụ, **Mơ Trăng** tôi viết trong tâm trạng: khi thấy người yêu vội vã tận hưởng những phút giây ân ái, cuồng quýt thỏa mãn cơn khát thèm thể xác, tôi lặng người, đốn đau, thấy tội nghiệp cho tình yêu em đang dang hiển, và cũng xót xa, tội nghiệp cho cuộc tình của cả hai. Tôi muốn đẩy em ra, muốn hét lên: - Đừng yêu anh nữa! Hãy tránh xa anh đi! Nhưng tôi không làm được. Đứng ra là tôi không thể làm thế nên lại quấn lấy em, gồng lên để hòa vào cơn khát thèm thể xác với em. Tôi đã tả rất chân cuộc tình ấy, ngay từ khổ thơ đầu:

*Em rướn mình hà hít nụ hôn anh
Tê tái lắm. Cuộc tình mình thật tội
Môi khóa môi mà sao xa vời vợi
Đêm cuồng cuồng khóa lấp nổi chơi vơi.*

Và tôi run người khi đọc những lời bình của ông vì đã gặp lại mình trong cuộc tình ấy: “*Bây giờ có hai Đặng Xuân Xuyên, một Đặng Xuân Xuyên đang vui trong hương hoa của tình yêu và một Đặng Xuân Xuyên đang vui trong trũng sâu bi, khắc khoải và đắng cay. Lúc này nhà thơ đang yêu hay là không yêu? - Đâu biết được. Chỉ biết nhà thơ đang ôm một khối tình, khối tình nóng cháy như hỏa diệm sơn mà cũng rét cóng như băng giá miền cực bắc.*”

“*Phải chăng thứ tình yêu bình thường, những ân ái bình thường không đáp ứng được cho một trái tim nhạy bén, một tâm hồn thơ luôn mơ mộng sự trong trẻo, sự vô biên, dây quyến luyến vượt quá cuộc đời. Con người thật của Đặng Xuân Xuyên ra sao ta đâu biết được nhưng thơ Đặng Xuân Xuyên quả là đúng như vậy.*”

Tôi không biết các nhà thơ khác sáng tác thế nào nhưng những bài thơ tôi viết là những tiếng lòng chân thật của tôi, dù đốn đau hay vui mừng, dù chán chường hay phấn chấn thì những cảm xúc trong thơ của tôi cũng phản ánh rất chân thật tâm trạng, tình cảm của tôi, tuyệt không hư cấu. Vì thế, khi đọc những dòng cảm nhận của ông về thơ của tôi, tôi như lần nữa được sống lại với những tâm trạng, cảm xúc mà tôi đã mượn thơ để giải bày. Nếu không thả hồn để phiêu cùng bài thơ, để tìm cho được cái hồn, cái sắc thái riêng của bài thơ thì Châu Thạch không thể viết được những dòng cảm nhận như được moi ra từ gan ruột của tác giả.

Ví dụ, khi đọc tập thơ **Cưỡng Xuân**, Châu Thạch đã viết: “*đọc “Cưỡng Xuân” của Đặng Xuân Xuyên, ta có hai sự rung động cùng một lúc. Đó là sự rung động của con tim yêu chân tình, say đắm và độ lượng. Cùng lúc đó cũng bốc lên trong bầu máu nóng của ta một thứ hương tinh của thể xác. Hai thứ hương đó quện vào nhau cho ta sự khoái lạc lạ lùng trong nỗi đau khổ quặn thắt. Khoái lạc vì thơ Đặng Xuân Xuyên như ngọn ngọt ngọn lửa của ái ân thể xác và của âu yếm tinh thần. Đau khổ vì thơ Đặng Xuân Xuyên làm lạnh con tim, nỗi sầu được diễn tả như bông lơn nhưng làm cho người nghe quặn lòng se thắt. Thơ đó không phải là thứ thơ hư cấu. Thơ đó là thứ thơ nở ra như những bông hoa trường trai được nảy mầm từ hạt của nó, hạt ấy đã bị vui dập trong bao nhiêu biến động của đời.*”

Hay khi đọc **Em Về Nhặt Chút Hương Phai** của Huỳnh Gia, Châu Thạch đã không đứng phía bên ngoài để “cảm” thơ mà ông thả hồn mình phiêu cùng nữ sĩ Huỳnh Gia để cùng Huỳnh Gia cảm nhận bài thơ bằng những cảm xúc chân thật được cất lên từ tiếng lòng của nữ sĩ:

*“Mai em về thăm
xuân chưa ấm nổi đất trời
tìm đến đò Cù
tìm về khung trời cũ
bức rào chắn phân ranh
cỏ úa màu trách cứ
mỏi mắt tìm không thấy điểm hẹn xưa*

Trong vế thơ này hai câu thơ “Cỏ úa màu trách cứ/ mỏi mắt tìm không thấy điểm hẹn xưa” làm người đọc thấy khung trời hoang sơ rộng vắng của đò Cù, mà sự rộng vắng có giới hạn ấy trở thành mênh mông vô tận trong tâm hồn tác giả khi “mỏi mắt tìm” điểm hẹn xưa mà không thấy nữa. Cái lạnh của cuối đông vẫn còn vì “xuân chưa ấm nổi đất trời” sẽ càng lạnh thêm biết bao khi người về gặp “bức rào chắn phân ranh”. Đây là bức rào chắn phân ranh khung trời cũ trên địa thế đò Cù nhưng nó cũng là bức rào chắn phân ranh quá khứ và hiện tại trong tâm hồn người quay lại. Vế thơ cho ta thấy tất cả sự tiêu điều, se lạnh của khung cảnh trùm lên tâm hồn và nổi dần vật trong lòng cũng thể hiện ra trên cỏ úa, trên bức rào, trên điểm hẹn đã bị mất đi. Cảnh bây giờ hình như cũng gây trắc trở cho người vì có lẽ cảnh và người ở đây cùng chung số phận, định mệnh như nhau.”

&.4

Thêm một điểm nhấn “son” nữa về phong cách bình thơ của Châu Thạch là khi bình thơ, ông chịu khó tìm tòi để phát hiện ra những tinh tế, những sáng tạo của nhà thơ trong bài thơ, rồi truyền tải nguyên vẹn, thậm chí có phần dày hơn, đẹp hơn những cảm xúc được thăng hoa của nhà thơ tới bạn đọc.

Cảm nhận về **Hà Nội Quê Tôi** của Lê Mai là một ví dụ:

“Chùa Diên Hựu là của tôi!

*Đóa sen tâm bưng nở ngát cõi người cho tôi hiểu vì sao người Hà Nội
cấp gạo thuyền giặc chết khỏi tha hương.*

“Chùa Diên Hựu hay chùa Một Cột, là một trong những biểu tượng của thủ đô Hà Nội, có kiến trúc độc đáo như một bông sen từ dưới nước vươn lên. Nhà thơ đem cái bông sen đó làm biểu tượng cho tấm lòng nhân đạo của người Hà Nội ngày xưa, cùng với dân ta đem lúa gạo của mình cấp cho quân giặc Minh xâm lược bị thua trận có cái ăn mà quay về bản xứ. Cấp gạo cho giặc và xây chùa Một Cột không liên quan nhau, nhưng nhà thơ đã khôn khéo dùng hình tượng hoa sen của chùa, lấy kỳ quan đất nước sừng sững ngàn đời thể hiện cho lòng vị tha của dân tộc là một kết cấu giữa văn hoá vật thể và văn hoá phi vật thể vô cùng nhuần nhuyễn để tôn cao ý nghĩa của hai cái đẹp giữa lòng thủ đô Hà Nội.”

Hay như đoạn được trích dẫn dưới đây trong bài **Vài Lời Biện Hộ Về Thơ Nguyễn Khôi**, ông luận bàn thật “đắt” về từ “tắt trắng”, một sáng tạo độc đáo của nhà thơ Nguyễn Khôi:

“Với tôi Nguyễn Khôi dùng chữ “tắt trắng” trong câu chót là một tứ thơ sáng tạo, độc đáo, khác lạ và tuyệt hay đã nâng cả bài thơ lên tầm cao thị vị. Nếu tác giả dùng chữ “lịm” hay chữ “khuất” thì câu thơ “Để cả bầu trời phải lịm trắng” hay “Để cả bầu trời phải khuất trắng” chỉ có ý nghĩa là trắng nhìn thấy sự lóa thể mà mê mẩn đến mờ đi ánh sáng hay trốn vào đâu đó để ghé mắt nhìn trộm. Tứ thơ này đã cũ quá và đã lạc hậu vô cùng vì đã có hàng ngàn thi nhân viết rồi từ xưa đến nay. Nguyễn Khôi dùng chữ “tắt trắng” đã đưa trắng có cái nhân cách người, có cái đạo đức của chính nhân quân tử khi trắng tự tắt ngọn đèn của mình, hay quay lưng đi không nhìn những người phụ nữ tắm ao. Tứ thơ này hoàn toàn mới, diễn đạt một ý thơ chỉ sự thanh cao của trắng, cũng chính bộc lộ sự thanh cao của tâm hồn tác giả mà từ xưa đến nay chưa một ai nghĩ đến trong thơ.”

&5

Bên cạnh những phương pháp chủ quan, bao gồm cả phương pháp giả định và các phương pháp tiếp cận để cảm thụ thơ văn như đã dẫn giải ở trên, Châu Thạch cũng có khi dùng cả phương pháp khách quan cho việc tìm tòi, khám phá và cảm thụ thơ văn của ông. **Âm Trời - Thơ Đặng Xuân Xuyên: Một Phong Cách Tinh Khác Lạ** là một ví dụ:

“Âm Trời” là một bài thơ ngắn gọn tưởng như nó bày tỏ một mối tình qua loa hời hợt nhưng không phải thế. Đọc thơ, ta hiểu được tính cách của người trong thơ. Họ phải là những người đã lăn lộn trong cuộc đời, vấp ngã trong tình trường, dày dạn trong đối nhân xử thế, tinh tế trong lời nói. Họ có thể yêu nhau nhưng cuộc đời còn nổi éo le ta không biết được. Ta chỉ biết họ trân trọng nhau trong lời nói bộc trực tưởng như là thô thiển.

Bài thơ hay là hay ở chỗ đó, diễn đạt cái kín đáo mà bề ngoài không mấy ai thấy được, không mấy ai trân trọng, có khi còn khinh ghét nữa. Bài thơ hay cũng là hay ở chỗ “nói tục giảng thanh”. Đọc “Âm Trời” ta nghe tiếng thơ như của một nhân vật bất cần đời, một cặp trai gái ngổ ngáo xem tình như cỏ rác, nhưng ngấm kỹ, đọc đi đọc lại nhiều lần ta tìm thấy ở đó những tâm hồn đẹp mà ta yêu quý, một mối tình có thể làm cho ta se lòng và cảm mến..”

Rõ ràng, ở đoạn vừa trích dẫn, tác giả Châu Thạch, bằng phần nào sự hiểu biết của ông về tuổi tác, con người và tính cách... của (tác giả thơ) Đặng Xuân Xuyên, ông đã dùng phương pháp khách quan - thông qua “tiểu sử” tác giả - để “cảm thụ” bài thơ Âm Trời. Đây là một phương pháp được các nhà phê bình văn học sử dụng khi phương pháp chủ quan yếu thế, có thể sẽ không phát huy được hiệu quả như khi sử dụng phương pháp khách quan trong việc bình thơ.

Hay như trong bài **Vài Lời Biện Hộ Về Thơ Nguyễn Khôi**, tác giả Châu Thạch đã dùng phương pháp khách quan - những hiểu biết của bản thân từ thực tiễn về tiếng “nai tác” - để phản biện chỉ trích của Tiến sĩ Ngữ

văn Nguyễn Ngọc Kiên về chữ “nai tác” trong bài thơ **Đêm Mộc Châu** của nhà thơ Nguyễn Khôi:

“Tiến sĩ viết như sau:

Nguyễn Khôi đã viết:

*Đêm Mộc Châu lần đầu nghe nai “tác”
Dân đốt nương núi cháy xém vàng trắng
Mới hay cuộc sống còn đói khát
Đốt cả đất trời kiếm miếng ăn*

Theo chúng tôi đây cũng là một bài thơ hay của Nguyễn Khôi. Hai câu đầu là tả thực. Hai câu cuối có sức khái quát lớn. Tuy nhiên, theo chúng tôi, ở nơi mà đã có “dân đốt nương núi cháy xém vàng trắng”, tàn phá rừng, hủy hoại môi trường như thế thì không còn nghe thấy tiếng “nai tác” được nữa. Có chăng chỉ còn nghe tiếng thạch sùng mà thôi!” Sau đó tiến sĩ còn khẳng định: “Ở đây Nguyễn Khôi chắc cũng trong cơn ngái ngủ, mê sảng mà nghe thấy tiếng “nai tác”. Vậy nên ta cũng không nên “chê sọt tóc làm tu” mà làm gì miễn là đó là thơ hay!”

Đây là một nhận xét thật sự sai lầm. Người viết bài này đã từng nhiều lần nghe suốt đêm tiếng nai tác trong một vùng tàn phá môi trường hàng ngàn dặm. Sau 1975 tôi được điều đi khai hoang sản xuất trên vùng rừng núi. Chúng tôi thường nghe tiếng nai “tác” bi thương kéo dài trong đêm. Hỏi ra mới biết đó là tiếng của những con nai lạc bầy do môi trường bị hủy hoại. Bởi sự thay đổi của núi rừng làm cho những con nai con thường lạc mẹ, thế là con gọi mẹ hay mẹ tìm con cứ “tác” suốt đêm trường. Tiếng gọi ấy của nai khắc khoải trong đêm vọng vào hồn tôi cũng đang khắc khoải vì những biến động của cuộc đời tôi thuở ấy.”

&.6

Có thể nói, Châu Thạch là một cây viết sung sức, đầy nội lực, viết nhanh, viết khỏe và viết nhiều. Tôi không biết chính xác ông đã hạ bút viết bao nhiêu bài phê bình thơ (và cả văn) nhưng để lan man tìm hiểu về phong cách bình thơ của tác giả Châu Thạch như bài viết này, tôi đã phải ngồi tham khảo chừng 130 bài bình thơ của ông mà theo số liệu thống kê của văn sĩ Thái Quốc Mưu thì tính đến tháng 07 năm 2017, chỉ riêng bình thơ, tác giả Châu Thạch đã “xuất xưởng” trên 200 bài. Quả thật, sức viết của ông rất đáng kính nể.

Những điểm mạnh trong phong cách bình thơ của nhà phê bình văn học Châu Thạch khá nhiều, còn hơn những gì người viết đã lan man dẫn giải nhưng trong phong cách bình thơ của ông vẫn còn vài điểm hạn chế mà theo người viết, nhà phê bình văn học Châu Thạch rất cần khắc phục.

Đó là:

1. Việc chọn bài còn để lọt những bài thơ chưa thật sự hay, chưa đúng như tiêu đề bài viết. Điều này có thể do tình thân hữu, sự cả nể khiến ông “tặc lưỡi”. “Nội lực” bài thơ không có nên dù người bình cố “tán”, cố “đẩy” thì bài thơ vẫn chỉ như bông hoa kém tươi, lạc lõng giữa vườn hoa

đua sắc khoe màu. Vô tình, những bông hoa “cả nể” đó đã làm vườn hoa đẹp của nhà phê bình văn học Châu Thạch giảm nhiều hương sắc.

2. Phương pháp giả định được ông vận dụng với mật độ khá dày trong các bài bình thơ, đã ít nhiều tạo ra hiệu ứng đơn điệu, đều đều, nhằm chán trong việc tiếp thu, cảm nhận thơ văn của bạn đọc, khiến bạn đọc nảy sinh tâm trạng nghi ngờ nhà phê bình đang cố “tán”, cố “lái” bài thơ theo dòng cảm xúc đã được định hướng.

3. Việc “đồng màu chỉ khen không chê” trong hàng loạt bài bình thơ của nhà phê bình văn học Châu Thạch. Có thể vì là người trọng tình cảm nên ông tránh làm tổn thương người khác; hoặc có thể vì trân quý những tìm kiếm, những thành công của tác giả thơ nên ông “không nỡ” nêu ra hạn chế, sợ tác giả thơ sẽ nhụt chí... Cho dù với lý do gì thì việc “chỉ khen không chê” cũng làm thiệt thòi cho cả 3 đối tượng: nhà thơ (không biết được yếu kém để sửa chữa, nâng cao tay nghề), bạn đọc (không nâng cao được khả năng học và cảm thụ thơ văn) và nhà phê bình (tác phẩm tạo ra đồng màu, đơn điệu).

Hà Nội, chiều 19 tháng 09 năm 2017

ĐẶNG XUÂN XUYỀN

Kính mời đọc thêm những bài khác của tác giả tại:

<http://www.vietnamvanhien.org/DangXuanXuyen.html>

www.vietnamvanhien.net



An Lạc & Tự Chủ

VIỆT NAM VĂN HIẾN

www.vietnamvanhien.info



TỦ SÁCH VĂN HIẾN ONLINE VỚI HƠN 10400 TÁC PHẨM